Bản thuyết minh sản phẩm RQ-NV7

Xin vui lòng đọc kỹ bảng thuyết minh sản phẩm và chỉ dẫn an toàn sản phẩm (MSDS) trong quá trình sử dụng và bảo quản sản phẩm.

Những chú ý về an toàn

1. Cảnh báo

Có tính nguy hiểm

Có tính bắt lửa

(1) Tính bắt lửa: là dung dịch có tính bắt lửa.
Nghiêm cấm lửa. Khi sử dụng gần nguồn lửa, tia lửa có thể bắt lửa và gây nổ.
(Khi gặp hoả hoạn, dùng các chất dập lửa như khí carbon dioxide, v.v.. và dập theo hướng đầu gió về cuối gió.)

(2) Tính nguy hiểm: có khả năng gây ra ngộ độc dung môi hữu cơ.
Cần lắp đặt hệ thống thông lưu khí tốt. Nếu tiếp xúc với quá nhiều hơi khí của dung môi có thể gây chóng mặt, buồn nôn và đau đầu.
(Trường hợp bị ngộ độc, di chuyển tức khắc đến nơi an toàn, nghỉ ngơi giữ ấm, nếu cần thiết phải đi nhận chẩn đoán của bác sĩ.)

2. Chú ý

2-1 Kiểm tra trước khi sử dụng
Xin vui lòng đọc kỹ các chú ý về tiếp xúc sử dụng sản phẩm ở bảng thuyết minh, bảng chỉ dẫnan toàn hoá chất (MSDS), v.v..

2-2 Khu vực sử dụng

(1) Không sử dụng ở những nơi có súng ống, chất cháy nổ.
(2) Cần cài đặt hệ thống thông gió tại nơi sử dụng sản phẩm.

2-3 Phương pháp sử dụng

(1) Trong quá trình sử dụng, để không dính vào da, nếu cần thiết cần mang mặt nạ chống độc, găng tay, kính bảo hộ, tạp dề, v.v..
(2) Nếu bị tràn ra từ vật chứa, sử dụng giẻ lau để lau rồi vứt bỏ ở nơi an toàn.
(3) Sau khi sử dụng, cần rữa tay và súc miệng thật kỹ.

2-4 Biện pháp sơ cứu
(1) Nếu bị dính vào quần áo khi sử dụng, thì cần giặt sạch loại bỏ vết dơ.
(2) Trường hợp bị dính vào da, dùng nước xà phòng để rửa vết dơ, nếu thấy đau hoặc có biến đổi trên da cần đến ngay bác sĩ để kiểm tra nhận chuẩn đoán.
(3) Trường hợp dính vào mắt, dùng nước rửa sạch và đến bác sĩ để kiểm tra.
(4) Trường hợp cảm thấy không tốt do hít phải cần đến nơi có không khí trong lành nghỉ ngơi và nếu cần thiết đi đến bác sĩ để kiểm tra.
(5) Trường hợp vô tình nuốt phải phải lập tức đi đến bác sĩ để nhận kiểm tra chuẩn đoán.

Revision: 2012-10-10

2-5 Biện pháp bảo quản

(1) Bảo quản ở nơi nhiệt độ 5~35^{0}C, không có súng ống chất cháy nổ và không tiếp xúc với ánh nắng mặt trời.
(2) Bảo quản ở nơi xa tầm với của trẻ em.

2-6 Nghiêm cấm sử dụng cho mọi mục đích ngoài dán dính

2-7 Phương pháp xử lý

(1) Không được thải hoặc để rò rỉ ra ngoài môi trường như sông ngòi.
(2) Tuân thủ quy định của pháp luật và các luật lệ địa phương về xử lý rác thải, đốt sau khi sử dụng hết hoặc giao cho đại lý xử lý đã được cấp phép.

3. Các quy định pháp luật

(1) Luật An toàn lao động:

Thành phần và Hàm lượng	Methylcyclohexane	15-25%
	Ethyl acetate	20-30%
	Acetone	10-20%
	Isohexane	15-25%

RQ-NV7 là một chất kết dính/ keo dạng phun gốc cao su tổng hợp. Không sử dụng các dung môi cấm như toluene, là loại khô nhanh, chịu nhiệt, và thích hợp để sử dụng cho chế biến gỗ và dán các vật liệu tổng hợp.

1. Đặc tính
   - Trong thành phần không sử dụng toluene, xylene và formaldehyde.
   - Khô nhanh sau khi phun, thời gian lắp ráp nhanh.
   - Lực kết dính và chịu nhiệt thời gian đầu (sau khi lắp ráp kết dính) tốt.
   - Thời gian keo có thể kết dính dài, giúp dễ sử dụng.
   - Thích hợp cho dạng phun và dùng kết dính ván ép, ván dăm, tấm laminate, kim loại, v.v..
   - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản (JIS A 5549).
   - Không áp dụng vào luật PRTR.

2. Ứng dụng
   - Dùng trong chế biến, gia công gỗ, đồ gỗ, vật liệu xây dựng.
     Có thể kết dính ván ép, ván MDF, ván hardboard, tấm laminate, gỗ (sồi, tần bì, tếch, v.v..), ván DAP, veneer, nhựa plastic (vinyl clorua, ABS, xốp urethane, v.v..).
   - Kết dính ván thạch cao, kim loại, da, tơ xợi, v.v..
   - KHÔNG thể kết dính vinyl chloride mềm, polyethylene, polystyrene, polypropylene, cao su silicone, v.v..

Revision: 2012-10-10

3. Lý tính
   - Ngoại quan: dung dịch lỏng màu vàng.
   - Thành phần chủ yếu: nhựa phenol cloropren.
   - Độ nhớt: 0.14Pa · s / 20^0C {1.4P / 20^0C}
   - Phần không bay hơi: 18%.

4. Phương pháp sử dụng tiêu chuẩn
   - Xử lý bề mặt
     Lau bỏ bụi, dầu chất béo, rỉ sét dính trên bề mặt kết dính bằng giẻ lau, giấy nhám, dung môi, v.v..
   - Sơn/ Phun keo
     Sơn/ Phun keo đều trên cả hai bề mặt kết dính.
     RQ-NV7 có thể dùng phun ngay, không cần pha loãng.
     ［Điều kiện phun tiêu chuẩn］
     Nòng súng phun: khoảng trên dưới 2.0mm
     Áp suất khí: 294 ~ 490 KPA (3 ~ 5 kgf / cm^2)
     Khoảng cách phun: 30 ~ 60 cm
     Áp suất bình chứa: 49 ~ 147 Kpa (0.5 ~ 1.5 kgf / cm^2)
     Lượng phun, sơn phủ: mỗi một mặt 120 ~ 150g/m^2 (bề mặt không xốp)
     150 ~ 180g/m^2 (bề mặt xốp)
   - Làm khô
     Sau khi sơn phủ keo đều hai mặt, cần để keo khô trong vài phút cho đến keo không còn dính vào khi chạm tay. Lưu ý cần để keo khô trước khi dán hai mặt lại vào nhau. Thời gian khô và thời gian có thể sử dụng (thời gian keo còn khả năng kết dính) như bảng sau:

     Thời gian làm khô và thời gian sử dụng

Nhiệt độ ［°C］	0	10	20	30	40
Thời gian làm khô ［phút］	5 ~ 6	3 ~ 5	2 ~ 4	2 ~ 3	2 ~ 3
Thời gian sử dụng ［phút］	30 ~ 35	50 ~ 55	65 ~ 75	90 ~ 100	110 ~ 120

   - Dán hai mặt
     Dán hai mặt sau khi keo đã khô đủ thời gian cần thiết. Sau khi dán cần tạo lực ép khoảng 196 ~ 490 Kpa trong vài giây bằng búa, trục lăn, máy ép khí, v.v..

5. Những lưu ý trong quá trình sử dụng
   (1) Sử dụng keo trong điều kiện khác với điều kiện tiêu chuẩn có thể dẫn đến lực kết dính kém.
   (2) Sử dụng keo trong mùa mưa hoặc mùa đông có thể xảy ra trường hợp trắng hóa (ngưng tụ) keo.
   (3) Các vật liệu xốp sau khi dán được sơn phủ bằng sơn có thể xảy ra trường hợp bong tróc do dung môi trong sơn gây ra.
   (4) Nên dùng dung môi rửa các dùng cụ đã sử dụng.
   (5) Sử dụng keo trong thời hạn sử dụng.
   (6) Trường hợp sử dụng keo cho mục đích khác mục đích dán/kết dính được ghi trong bản thuyết minh này, cần hỏi ý kiến bộ phận kỹ thuật công ty chúng tôi trước, hoặc cần làm thí nghiệm trước khi sử dụng.
   (7) Khi sử dụng trên các lá kim loại như lá nhôm có thể làm lão hóa kim loại theo thời gian, nên khuyến khích không sử dụng trên các lá kim loại.

Revision: 2012-10-10

6. Lực kết dính

6-1. Hạng mục kiểm tra và điều kiện dán

● Cường độ kéo ngang

Vật liệu dán: MDF x Tấm laminate
Lượng sơn keo: một mặt 120 g / m^2
Thời gian mở: 2 phút / 40 ~ 60^0C
Lực ép: 4kg/cm^2
Diện tích dán: 40 x 40cm^2
Bảo dưỡng: nhiệt độ phòng x 8 ngày
Điều kiện kiểm tra: sau khi bảo dưỡng để trong môi trường 40^{0}C, 90% RH x 2 ngày -> 60^{0}C, 30% RH x 3 ngày.
Mày kiểm tra: máy kéo phòng thí nghiệm

● Cường độ keo dọc

Nhiệt độ môi trường: 24^{0}C
Vật liệu dán: Thép x Tấm laminate
Lượng sơn keo: một mặt 120 g / m^2
Thời gian mở: 10 phút / 23^{0}C
Lực ép: dùng con lăn tay
Diện tích dán: 25 x 25cm^2
Bảo dưỡng: nhiệt độ phòng x 3 ngày
Mày kiểm tra: Instron pull tester
Tốc độ kéo: 5mm/phút

6-2. Kết quả

Cường độ keo ngang

Loại & số mẫu			RQ-NV7
Lực kết dính (N/mm^2)	Nhiệt độ phòng	n=1	0.87
		n=2	0.90
		n=3	0.91
		Trung bình	0.89
	Điều kiện môi trường kiểm tra	n=1	0.83
		n=2	0.73
		n=3	0.71
		Trung bình	0.76

Cường độ kéo dọc

Loại & số mẫu			RQ-NV7
Lực kết dính (N/mm^2)	Keo ở 0°C	n=1	1.04
		n=2	0.97
		n=3	1.05
		Trung bình	1.02
	Keo ở 23°C	n=1	1.11
		n=2	1.02
		n=3	0.97
		Trung bình	1.03

Revision: 2012-10-10

7. Đóng gói
   Thùng 14 kg / 18L
   Thùng phuy 160 kg

8. Thời hạn sử dụng
   6 tháng sau khi sản xuất (5^0C ~ 35^0C)

Những thông tin và số liệu của bản thuyết minh này được thu thập từ điều tra, nghiên cứu, thí nghiệm của công ty chúng tôi. Do đó, mặc dù chúng tôi tin tưởng vào độ chính xác của những thông tin này, chúng tôi không thể cam đoan do kết quả sử dụng thay đổi ít nhiều tuỳ theo loại vật liệu sử dụng, môi trường và mục đích sử dụng. Chúng tôi khuyến khích tiến hành thử nghiệm tại môi trường sử dụng trước khi chính thức đưa vào sử dụng chính thức.